

Bản án số: 192/2018/HC-PT
Ngày 08/11/2018
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính không
cấp giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thọ Định – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án vụ án thụ lý số 235 /2018 /TLPT-HC ngày 08 tháng 10 năm 2018 về: "*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*". Do bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị người khởi kiện kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2018/QĐPT ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị H, sinh năm 1952 (Quốc tịch: Mỹ).

Địa chỉ: USA (Mỹ).

Địa chỉ liên hệ: 10/4 đường P, phường X, Thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Vĩnh T – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên (theo giấy ủy quyền số 3755/UQ-UBND ngày 06/11/2018). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của UBND tỉnh Phú Yên: Ông Mai Kim L – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên; trụ sở: đường Phan Bội Châu, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc T - công chức tư pháp, hộ tịch và bà Nguyễn Thị X - công chức địa chính, xây dựng (theo giấy ủy quyền ngày 18/7/2018 của Chủ tịch UBND phường X, thành phố T). Ông T và bà X có mặt.

3.3. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên; trụ sở: phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vũ T – Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T - Phó giám đốc chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T (theo giấy ủy quyền số 1605 ngày 03 tháng 11 năm 2018). Có mặt.

3.4. Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên; trụ sở: phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. Ban quản lý dự án đường B (giai đoạn 2); trụ sở: phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thông Minh T - Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đường B giai đoạn 2 (Theo giấy ủy quyền ngày 18/7/2018 của Giám đốc Ban quản lý dự án đường B giai đoạn 2). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, nội dung vụ án như sau:

Người khởi kiện bà Trần Thị H trình bày:

Nguyên diện tích nhà, đất của bà Trần Thị H tại số 10/4, đường P, phường X, thành phố T trước đây là của cha mẹ bà H (ông Trần H1 và bà Dương Thị H2) mua lại của vợ chồng ông Nguyễn Tài S và bà Nguyễn Thị M vào năm 1974, được chính quyền địa phương tại thời điểm đó thị thực. Sau khi cha mẹ bà qua đời, đến năm 2009 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định số 03/2009/QĐST-DS ngày 21/5/2009 công nhận ngôi nhà cấp 3 diện tích 180 m² gắn liền với diện tích đất 415,4 m² là tài sản chung của cha mẹ để lại cho 04 anh em gồm bà Trần Thị H, ông Trần Đ, ông Trần Chí P và bà Trần Thị Mỹ L. Thống nhất giao nhà và đất cho bà Trần Thị Mỹ P quản lý.

Năm 2015, bà H có đơn khởi kiện tại TAND tỉnh Phú Yên yêu cầu chia tài sản chung và hủy quyền quản lý toàn bộ nhà và đất của bà Trần Thị Mỹ P. Tại các Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DS-ST ngày 27/7/2015 của TAND tỉnh Phú Yên và Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2016/DSPT ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giao cho bà H quyền sở hữu toàn bộ nhà, đất, cây cối và tài sản gắn liền với đất.

Sau khi bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực, ngày 20/6/2016, bà H được bàn giao toàn bộ tài sản nhà và đất tại số 10/4 P trên cơ sở các Quyết định thi hành án của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Ngày 13/6/2016, bà H gửi hồ sơ đến UBND phường X, thành phố T đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích 415,4 m² theo 02 bản án dân sự nêu trên. Ngày 01/8/2016, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố T có Văn bản số 804/TN&TKQ gửi UBND phường X trả lời trường hợp của bà H không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngày 03/8/2016, UBND phường X trả lại cho bà H hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở kèm theo Văn bản trả lời của UBND thành phố T. Lý do bà không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở vì UBND tỉnh đã có Thông báo số 252/TB-UBND ngày 19/4/2011 thu hồi đất của bà để thực hiện Dự án đường B – giai đoạn 2.

Không đồng ý, bà H khiếu nại lên UBND thành phố T. Ngày 21/9/2016, UBND thành phố T có văn bản số 4242/UBND (BL số 282) về việc trả lời đơn của bà Trần Thị H, lý do không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do đã

có Thông báo thu hồi đất số 252 thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Ngày 05/01/2017, UBND thành phố T có văn bản số 53/UBND với nội dung: *Để có cơ sở giải quyết các yêu cầu của bà H liên quan đến diện tích đất được tuyên trong bản án theo đúng quy định, ngày 27/12/2016, UBND thành phố T có Công văn số 5869/UBND đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên giải thích bản án số 34/2016/DSPT ngày 21/3/2016 và việc thi hành theo bản án của Tòa án*”.

Ngày 10/01/2017, TAND cấp cao tại Đà Nẵng có Văn bản số 97/CV-TACCTĐN trả lời cho UBND thành phố T, có nội dung: *“Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án có kháng cáo nhưng không có ai thắc mắc về phần diện tích hoặc yêu cầu đo vẽ lại nên Tòa án cấp phúc thẩm không tiến hành.”* (BL 221).

Ngày 09/5/2017, UBND thành phố T có văn bản số 1936/UBND về việc giải quyết nội dung trình bày của bà Trần Thị H liên quan đến nhà và đất tại 10/4 P, phường X, thành phố T. (BL 250).

Bà H cho rằng bà được công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất theo bản án của Tòa án. UBND thành phố không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho bà là không đúng. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy văn bản số 804/TN-&TKQ ngày 01/8/2016 của UBND thành phố T; Văn bản số 4242/UBND ngày 21/9/2016 của chủ tịch UBND thành phố T; Công văn số 53/UBND ngày 05/01/2017 của chủ tịch UBND thành phố T Văn bản số 1936/UBND ngày 09/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T.

- Buộc UBND thành phố T phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số nhà 10/4, đường P, Phường X, Thành phố T theo quy định pháp luật.

Người bị kiện UBND thành phố T, chủ tịch UBND thành phố T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Sau khi tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của bà Trần Thị H thì các cơ quan chuyên môn của UBND thành phố T tiến hành các trình tự, thủ tục theo quy định để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và tài sản khác gắn liền với đất, bà Trần Thị H yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích

415,4 m² theo Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DS-ST ngày 27/7/2015 của TAND tỉnh Phú Yên và Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2016/DSPT ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Tuy nhiên, quá trình đo đạc lại diện tích và đối chiếu hồ sơ quản lý đất đai được lưu trữ tại UBND phường X (bản đồ đo đạc năm 1996) và biên bản xác định ranh giới mốc thửa đất được lập ngày 06/7/1996 thì diện tích đất tọa lạc tại địa chỉ 10/4 P, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên thuộc thửa đất số 136 và thửa đất số 137, tờ bản đồ số D5-I-B-b có tổng diện tích là 483,5 m², còn đo đạc thực tế khoảng 660,78 m². Do có sự chênh lệch tăng thêm so với diện tích được công nhận tại 02 bản án nêu trên. Đồng thời, tại bản vẽ kèm theo bản án không xác định cụ thể vị trí, mốc giới 415,4 m².

Ngày 19/4/2011 UBND tỉnh Phú Yên đã ban hành thông báo số 252/TB-UBND “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường B – giai đoạn 2”. Đến ngày 13/6/2016 bà Trần Thị H phát sinh hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Mặt khác, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì ngày 10/4/2018 UBND thành phố T đã ban hành thông báo số 823/TB-UBND “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường B giai đoạn 2 đối với bà Trần Thị H” nên những yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H là không có căn cứ.

Theo khoản 6, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “Các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Do đó, hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất của bà Trần Thị H tại thời điểm năm 2016 là không có cơ sở giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Phú Yên trình bày:

Việc UBND tỉnh Phú Yên ban hành thông báo số 252 “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường B – giai đoạn 2” ngày 19/4/2011 là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường X, thành phố T trình bày:

Sau khi Bà Trần Thị H nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tại UBND phường X. Ngày 14/6/2016, Ủy ban nhân

dân phường X họp xét nguồn gốc chủ sử dụng quản lý, ranh giới đất của thửa đất tại 10/4 P. Tuy nhiên, thửa đất và nhà tại 10/4 P đã có Thông báo thu hồi đất số 252/TB-UBND ngày 19/4/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên thực hiện Dự án: Đường B – giai đoạn 2 (Danh sách thu hồi kèm thông báo số 252 có nhà và đất tại 10/4 P (do Trần Thị Mỹ P, Lý Tuấn K đứng tên kê khai). Do đó, Hội đồng họp xét thống nhất trường hợp của bà H không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định tại khoản 6, Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngày 01/7/2017, UBND phường X có Tờ trình số 64/TTr-UBND gửi UBND thành phố T đề nghị xem xét. Thẩm quyền của UBND phường X là tiếp nhận hồ sơ, xét nguồn gốc đất, chủ sử dụng, ranh giới đất có hay không việc tranh chấp. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở của bà Trần Thị H UBND phường X đã chuyển lên UBND thành phố xem xét theo quy định. Do đó, UBND phường X, thành phố T đề nghị Tòa xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên trình bày:

Căn cứ vào Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DS-ST ngày 27/7/2015 của TAND tỉnh Phú Yên và Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2016/DSPT ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật, Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên tiến hành tổ chức thi hành án và bàn giao tài sản cho người được thi hành án bà Trần Thị H đúng theo quy định của pháp luật và tại thời điểm bàn giao bà Trần Thị H không có kiến hay khiếu nại gì. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên và Ban quản lý đường B (giai đoạn 2):

Thông nhất theo quan điểm trình bày của UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 486 Bộ Luật Tổ tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 48 Luật đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 49, khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; khoản 6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, hủy Văn bản số 804/TN&TKQ ngày 01/8/2016 của UBND thành phố T về việc chuyển trả hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Văn bản số 4242/UBND ngày 21/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T trả lời đơn cho bà Trần Thị H.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc: Hủy văn bản số 53/UBND ngày 05/01/2017 “*V/v trả lời đơn của bà Trần Thị H, phường X, thành phố T*”; văn bản số 1936/UBND ngày 09/5/2017 “*V/v giải quyết nội dung trình bày của bà Trần Thị H, phường X, thành phố T*” của Chủ tịch UBND thành phố T; và yêu cầu buộc UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ 10/4 P, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vì không có căn cứ pháp luật.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 bà Trần Thị H kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị H giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H. Hủy Văn bản số 804/TN&TKQ ngày 01/8/2016 của UBND thành phố T về việc chuyển trả hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Văn bản số 4242/UBND ngày

21/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T trả lời đơn cho bà Trần Thị H.

Bà H kháng cáo yêu cầu tòa án phúc thẩm hủy văn bản số 53/UBND ngày 05/01/2017 “*V/v trả lời đơn của bà Trần Thị H, phường X, thành phố T*”; văn bản số 1936/UBND ngày 09/5/2017 “*V/v giải quyết nội dung trình bày của bà Trần Thị H, phường X, thành phố T*” của Chủ tịch UBND thành phố T; và yêu cầu buộc UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ 10/4 P, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

[2.] Xét kháng cáo của bà Trần Thị H đối với nội dung Hủy văn bản số 53/UBND ngày 05/01/2017 “*V/v trả lời đơn của bà Trần Thị H, phường X, thành phố T*”; văn bản số 1936/UBND ngày 09/5/2017 “*V/v giải quyết nội dung trình bày của bà Trần Thị H, phường X, thành phố T*” của Chủ tịch UBND thành phố T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Diện tích đất tọa lạc tại địa chỉ 10/4 P, phường X, thành phố T*: Có nguồn gốc do ông Trần H1 và bà Dương Thị H2 (cha mẹ bà Trần Thị H) mua lại của vợ chồng ông Nguyễn Tài S và bà Nguyễn Thị M vào năm 1974. Theo Quyết định số 03/2009/QĐST-DS ngày 21/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DS-ST ngày 27/7/2015 của TAND tỉnh Phú Yên và Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2016/DSPT ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 415,4 m² tọa lạc tại địa chỉ 10/4 P, phường X thành phố T tỉnh Phú Yên được công nhận cho bà Trần Thị H.

Căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 100 Luật đất đai năm 2013 thì bà Trần Thị H đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích 415,4m² nêu trên.

[2.2] Theo đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đề ngày 13/6/2016, bà Trần Thị H yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích 415,4 m² theo Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và Bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên qua quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà H có sự chênh lệch về diện tích đất. Cụ thể, đối chiếu hồ sơ quản lý đất đai được lưu trữ tại UBND phường X thì diện tích đất tọa lạc tại địa chỉ 10/4 P, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên thuộc thửa đất số 136 và thửa đất số 137, tờ bản đồ số D5-I-B-b có tổng diện tích là 483,5m², còn đo đạc thực tế khoảng 622,27 m² (đo đạc ngày 18/10/2016 tại bút lục 33), theo công văn số 53 của Chủ tịch UBND thành phố T thì thể hiện diện tích

660,78 m². Chính vì có những vướng mắc trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà cho bà H, Ủy ban nhân dân thành phố T có văn bản gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên để giải thích rõ bản án. Vì thế việc UBND thành phố T ban hành Công văn số 53/UBND ngày 05/01/2017 và công văn số 1936/UBND ngày 09/5/2017 trả lời cho bà Trần Thị H biết sự việc trên là có cơ sở. Do vậy đơn kháng cáo của bà H đề nghị hủy 02 văn bản nêu trên là không có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị H yêu cầu buộc UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ 10/4 P, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 10/4/2018 UBND thành phố T đã ban hành Thông báo số 823/TB-UBND “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường B giai đoạn 2 đối với bà Trần Thị H” (theo thông báo thì diện tích dự kiến thu hồi đất đối với bà Trần Thị H là 644,0 m²). Xét thấy, dự án đường B giai đoạn 2 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013. Đồng thời dự án này nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của UBND thành phố T đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (tại Nghị quyết thu hồi đất số 91/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên và Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thành phố T). Hiện nay UBND thành phố T đang tổ chức thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, lập phương án giải tỏa, đền bù, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đường B giai đoạn 2. Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định đối với các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất “Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Do vậy yêu cầu khởi kiện buộc UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Trần Thị H tại thời điểm hiện nay là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H về nội dung này.

Từ những nội dung nêu trên xét thấy đơn kháng cáo của bà H là không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không cung cấp chứng cứ nào mới cần được xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị H.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm 04/2018/HCST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Áp dụng Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 486 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 48 Luật đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 49, khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; khoản 6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, hủy Văn bản số 804/TN&TKQ ngày 01/8/2016 của UBND thành phố T về việc chuyển trả hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Văn bản số 4242/UBND ngày 21/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T trả lời đơn cho bà Trần Thị H.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc: Hủy văn bản số 53/UBND ngày 05/01/2017 “*V/v trả lời đơn của bà Trần Thị H, phường X, thành phố T*”; văn bản số 1936/UBND ngày 09/5/2017 “*V/v giải quyết nội dung trình bày của bà Trần Thị H, phường X, thành phố T*” của Chủ tịch UBND thành phố T; và yêu cầu buộc UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ 10/4 P, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên vì không có căn cứ pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, đã nộp tạm ứng tại biên lai số 0008591 ngày 20/08/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên. Nay số tiền tạm ứng chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành